

VỀ GHI NHỚ CÓ CHỦ ĐỊNH CỦA HỌC VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUÂN SỰ

Đỗ Mạnh Tôn

Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự.

1. Đặt vấn đề

Trí nhớ là một quá trình tâm lý nhận thức cơ bản, cơ sở của lĩnh hội tri thức, kỹ xảo, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, phát triển nhân cách sĩ quan của người học viên. Tuy nhiên, trong dạy học ở trường đại học quân sự hiện nay, đang có một mâu thuẫn là lượng kiến thức cần ghi nhớ thì nhiều mà khả năng ghi nhớ, nhất là ghi nhớ có chủ định của học viên lại chưa đáp ứng được yêu cầu. Từ thực tế đó, tháng 5/2005 chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu thực trạng hành động ghi nhớ có chủ định trong hoạt động học tập của học viên Trường Sĩ quan Pháo binh nhằm góp phần đề ra các biện pháp nâng cao hiệu quả ghi nhớ tài liệu học tập cho học viên.

2. Nội dung nghiên cứu

a. Hướng tiếp cận nghiên cứu

Trong tâm lý học đã tồn tại ít nhất hai cách tiếp cận nghiên cứu trí nhớ nói chung, ghi nhớ có chủ định nói riêng, đó là:

- *Cách tiếp cận tự nhiên luận.* Theo cách tiếp cận này, trí nhớ của con người được xem là một quá trình diễn ra tự nhiên, tự phát trong hoạt động (G. Spensơ, G. Mill, T.A. Ribô, R. Xêmon, C. Cốpca, K. Leshley, H. Ebbinghause v.v...). Khi ghi nhớ, chủ thể không cần đề ra mục đích, nhiệm vụ từ trước, cũng không cần đến sự nỗ lực ý chí. Việc học diễn ra theo cơ chế: *Tri giác tài liệu - hiểu tài liệu - nhớ nhập tâm.* Dạy học dựa trên quan niệm tự nhiên luận về trí nhớ thực chất đã phủ nhận tính tích cực nhận thức của người học, trái với quy luật phát triển tâm lý và hình thành nhân cách người học trong quá trình dạy học;

- *Cách tiếp cận xã hội - lịch sử.* Vào những năm 20 của thế kỷ XX, đã xuất hiện cách tiếp cận xã hội - lịch sử trong nghiên cứu trí nhớ (P. Janet (1928), L.X. Vugôtski và A.R. Luria (1930), A.N. Lêônchiép (1931), Bartlett (1932), P.P. Blonxky (1934))... Theo cách tiếp cận này, trí nhớ cùng với các quá trình của nó đã được xem như là một hành động mang bản chất xã hội - lịch sử của con người. Sau đó, M. Knopt (1995), P. Atkinson (1980); V.A. Laudic (1970) đã vận dụng quan điểm này vào

nghiên cứu ghi nhớ có chủ định trong hoạt động dạy học. Các nghiên cứu này đã chỉ ra sự phụ thuộc của hành động ghi nhớ có chủ định của người học vào hoạt động của cả người dạy và người học. Sự phối hợp giữa hai chủ thể của hoạt động thông qua việc tổ chức các hành động học tập ảnh hưởng rõ rệt đến kết quả ghi nhớ của người học. Năm 1976, V.A. Laudic đã nghiên cứu và chỉ ra vai trò, cấu trúc, chức năng, đặc điểm hình thành và những điều kiện sư phạm để phát triển hành động ghi nhớ cho người học trong hoạt động dạy học. Để ghi nhớ tài liệu học tập, người học phải thực hiện nhiều hành động, bao gồm: hành động làm rõ nội dung tài liệu học tập; hành động xử lý các tài liệu học tập; hành động kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh. V.A. Laudic cũng chỉ ra cấu trúc của hành động ghi nhớ có chủ định gồm các thao tác cơ bản sau: Phân loại, xếp lại tài liệu cần ghi nhớ; tìm kiếm, lựa chọn tiêu chí để phân loại tài liệu; xây dựng các quan hệ giữa các nhóm tài liệu cần ghi nhớ; hệ thống hoá các tài liệu cần ghi nhớ.

Các công trình nghiên cứu đó đã chỉ ra rằng, hiệu quả ghi nhớ có chủ định phụ thuộc vào: 1. Định hướng hành động vào nội dung đối tượng của tài liệu học tập; 2. Phương pháp, cách thức hành động ghi nhớ phải phù hợp với cấu trúc của đối tượng cần ghi nhớ; 3. Tổ chức các hành động ghi nhớ cho người học của người dạy; 4. Việc tổ chức hành động ghi nhớ của bản thân người học.

Như vậy, ghi nhớ có chủ định của học viên là hành động ghi nhớ bị quy định bởi hoạt động dạy học ở nhà trường. Hiệu quả của nó phụ thuộc vào các yếu tố xác định như: người học phải có động cơ, thái độ học tập đúng; phải xác định rõ mục đích, nhiệm vụ ghi nhớ; chọn lựa và sử dụng các cách thức, biện pháp, công cụ, phương tiện ghi nhớ phù hợp. Hiệu quả ghi nhớ còn phụ thuộc vào hoạt động dạy của giáo viên, các điều kiện, phương tiện học tập khác ở trường.

b. Kết quả nghiên cứu thực trạng ghi nhớ có chủ định của học viên

Điều tra bằng bảng hỏi ở 120 học viên lớp trình sát, đo đạc pháo binh (TS, ĐĐPB), trường Sĩ quan Pháo binh, chúng tôi thu được kết quả như sau:

- *Về động cơ, thái độ đối với việc ghi nhớ:* Số học viên nhận thức rõ tầm quan trọng của môn TS, ĐĐPB trong chương trình đào tạo là 98,33%. Mức độ tập trung chú ý cao trong giờ học ở trên lớp: 89,17%. Số học viên thường xuyên học tập cách ghi nhớ tốt của bạn bè, người khác là 66,67%.

- *Về xác định mục đích ghi nhớ:* Có 94,17% học viên đã tự đặt cho mình mục đích phải nhớ đầy đủ, chính xác, vững chắc nội dung các môn TS, ĐĐPB; còn 5,83% học viên chưa đặt ra mục đích ghi nhớ. Về thời điểm xuất hiện mục đích ghi nhớ: 57,50% học viên xác định rõ mục đích ghi nhớ ngay từ đầu bài học, môn học; 36,67% học viên xuất hiện mục đích ghi nhớ trong quá trình học; 5,83% học viên sau khi kết thúc bài học, môn học mới xác định mục đích phải ghi nhớ các nội dung học tập.

- *Về phương thức, phương tiện, điều kiện ghi nhớ của học viên:* Với câu hỏi: "Để ghi nhớ tốt các loại tài liệu trên lớp, đồng chí đã sử dụng cách ghi nhớ nào?". Kết

quá cho thấy, còn tới 33,33% học viên sử dụng cách ghi nhớ máy móc. Số học viên sử dụng cách ghi nhớ theo ý nghĩa của nội dung là 85,83%; Dùng các biểu đồ, sơ đồ, hoa đồ có 58,33% học viên; Ghi nhớ liên tưởng bằng hình ảnh, có 33,33%; Sắp xếp các công cụ, đồ vật có 7,50% học viên; Sử dụng các kỹ thuật ghi nhớ khác là 19,17%. Qua trao đổi, chúng tôi thấy đa số học viên có ý thức trong việc tìm tòi, sáng tạo ra cách ghi nhớ mới. Tuy nhiên, cũng còn một số học viên vẫn thụ động trong phương pháp, cách thức ghi nhớ bài học.

- *Về tính chất của tài liệu ảnh hưởng đến ghi nhớ có chủ định:* Kết quả điều tra, khảo sát cho thấy, trong các dạng tài liệu học tập các môn TS, ĐĐPB thì học viên dễ ghi nhớ nhất là nội dung bài đo, tính tọa độ dựa theo một điểm chuẩn, hai điểm chuẩn, các bài giao hội, lấy và kiểm tra hướng chuẩn cho pháo, khí tài, các bước trong tổ chức tiến hành trình sát. Tiếp đến là tài liệu ở dạng các ký, tín, ám hiệu. Khó nhớ nhất là các tài liệu thuộc loại từ ngữ (chủ yếu ở các bài giảng lý thuyết).

- *Cách thức truyền đạt nội dung học của giáo viên:* Để làm rõ thực trạng trên, chúng tôi nêu câu hỏi: “Những yếu tố nào giúp đồng chí dễ ghi nhớ nội dung bài học?”. Kết quả như sau: có 40,53% học viên cho rằng đó là phương pháp truyền thụ của giáo viên dễ ghi nhớ; 37,50% - giáo viên có hướng dẫn cho học viên cách ghi nhớ bài học; 16,67% - giáo viên có chọn lựa nội dung, khái quát, cấu trúc bài học phù hợp với cách nhớ của người học. Chỉ số này cho thấy, trong lựa chọn và xây dựng cấu trúc nội dung, sử dụng phương pháp truyền thụ của giáo viên còn có những hạn chế nhất định. Mặt khác, nghiên cứu của chúng tôi cũng chỉ ra rằng, người học vẫn còn thụ động, chưa thực sự hứng thú khi giáo viên định hướng, hướng dẫn cho cách ghi nhớ bài học.

- *Các biện pháp tổ chức khác:* Có 23,33% học viên trả lời rằng nhà trường phổ biến các phương pháp ghi nhớ tốt cho học viên; 81,67% học viên trả lời rằng đã thường xuyên tổ chức họp bàn rút kinh nghiệm học tập của lớp. Trao đổi với các cán bộ quản lý học viên, chúng tôi được biết, đối với tiểu đoàn, hàng quý đều có tổ chức các khóa huấn luyện rút kinh nghiệm học tập rèn luyện, hàng tháng đại đội lớp tổ chức rút kinh nghiệm học tập; các tiểu đội đều có 1 buổi rút kinh nghiệm dạy học hàng tuần. Về phổ biến kinh nghiệm ghi nhớ cho nhau: Có 69,17% học viên thực hiện. Mức độ quan tâm của khoa, tổ, lớp đến phát triển khả năng ghi nhớ cho học viên trong quá trình học tập còn ở mức độ rất thấp.

- *Chăm lo đến các phương tiện, vật chất* giúp học viên tổ chức các hành động học tập, các thao tác ghi nhớ còn ít, chỉ có 20% học viên trả lời là có.

3. Đánh giá thực trạng, nguyên nhân

** Những ưu điểm*

- Về nhận thức, tuyệt đại đa số học viên đã nhận thức rõ được tầm quan trọng của các môn TS, ĐĐPB trong nội dung chương trình đào tạo của khoá học. Nhận thức

rõ đặc điểm, tính chất các dạng tài liệu cần ghi nhớ trong học tập các môn, thấy được sự thuận lợi và khó khăn khi phải ghi nhớ các dạng tài liệu đó.

- Động cơ học tập của học viên là đúng đắn, mong muốn lĩnh hội thật nhiều nội dung của môn học. Vì vậy, hầu hết học viên có sự say mê, hứng thú trong học tập, biểu hiện ở sự tập trung chú ý nghe giảng, nỗ lực cố gắng ghi nhớ, học hỏi cách ghi nhớ tốt, ôn bài cũ, đọc tài liệu trước khi học bài mới...

- Hầu hết học viên có đặt ra cho mình mục đích phải ghi nhớ đầy đủ, chính xác, vững chắc các nội dung của các môn TS, ĐĐPB và lựa chọn cách ghi nhớ phù hợp với khả năng, cách thức tiến hành các hành động học tập của mình. Phương pháp ghi nhớ lôgic, ý nghĩa được học viên sử dụng nhiều nhất trong quá trình học tập, ôn luyện. Đồng thời họ đã tích cực, chủ động từng bước xây dựng cho mình cách ghi nhớ tốt nhất.

- Nhà trường, khoa, tổ, tập thể lớp học, giáo viên, cán bộ quản lý đã có những quan tâm nhất định, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên nâng cao hiệu quả ghi nhớ nội dung học tập.

- Chất lượng, hiệu quả, năng lực ghi nhớ của học viên bước đầu đã được nâng lên. Kỹ năng tổ chức các hành động ghi nhớ và các phẩm chất ghi nhớ đã từng bước hình thành, phát triển theo tiến trình đào tạo.

** Những hạn chế*

- Một số học viên chưa nhận biết rõ về đặc điểm, tính chất các dạng tài liệu cần phải ghi nhớ của môn học, tính tích cực học tập của một số học viên chưa cao.

- Mặc dù xác định được mục đích ghi nhớ, song ở nhiều học viên mục đích ghi nhớ xuất hiện chậm.

- Còn một số học viên chưa sử dụng hợp lý cách thức ghi nhớ khi tiến hành tổ chức các hành động ghi nhớ; khả năng sáng tạo cho mình cách ghi nhớ còn ít; một số thể hiện sự thụ động, chỉ sử dụng cách ghi nhớ máy móc.

- Sự quan tâm của nhà trường, khoa, tổ, lớp học, cán bộ, giáo viên trong việc tích cực, chủ động, tạo điều kiện mua sắm các phương tiện vật chất, cũng như tiến hành các biện pháp phát triển ghi nhớ có chủ định cho học viên còn có những mặt hạn chế.

- Chất lượng, hiệu quả ghi nhớ nói chung các nội dung học tập ở nhiều học viên chưa đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đặt ra. Kỹ năng tổ chức các hành động ghi nhớ và các phẩm chất ghi nhớ hình thành chưa vững chắc.

4. Một số kiến nghị

Để nâng cao hiệu quả ghi nhớ có chủ định cho học viên, chúng tôi thấy cần thực hiện tốt một số vấn đề sau:

- Thường xuyên giáo dục cho học viên nhận thức rõ mục tiêu, yêu cầu đào tạo và các mục tiêu, yêu cầu cụ thể của từng bài học, môn học.

- Các khoa cần tổ chức tốt các hội nghị phương pháp, rút kinh nghiệm giảng dạy sau mỗi học phần. Các đơn vị học viên cần phải tổ chức tốt việc rút kinh nghiệm học tập và phổ biến phương pháp học tốt; quản lý, tổ chức tốt giờ tự học, thường xuyên hội thảo kỹ thuật theo hướng tích cực hoá hoạt động người học.

- Các khoa, tổ bộ môn phối hợp chặt chẽ với các tiểu đoàn học viên trong tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học, hướng vào nâng cao chất lượng dạy học, cải tiến, sáng chế các đồ dùng, phương tiện dạy học, góp phần phát triển cách thức ghi nhớ có chủ định của học viên.

- Tăng cường mua sắm các phương tiện dạy học hiện đại phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu.

- Quản lý tốt học viên trong dạy, học, kiểm tra, thi. Có chính sách khen thưởng đúng mức cho những người đạt kết quả cao trong học tập.

- Làm tốt công tác tuyển chọn học viên đầu vào các trường đại học quân sự.